

Bản án số: 160/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 6 - 2025

“V/v xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

• **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mậu và bà Hoàng Thị Thoan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**
Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 221/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1997

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Hiện đang cư trú tại địa chỉ: số F, ngõ B, đoạn A, đường T, quân Đ, thành phố Đ, Đà Loan. Vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm: 1995

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Hiện đang cư trú tại: Đà Loan. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn T tìm hiểu và yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/02/2016 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Đến năm 2021 vì điều kiện gia đình, chị và anh T bàn bạc với nhau sang nước ngoài để làm ăn, cải thiện kinh tế gia đình. Thời gian đầu sang Đà Loan vợ chồng vẫn liên lạc, quan tâm lẫn nhau nhưng càng về sau vợ chồng phát sinh nhiều tranh cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu

là do vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi, cả hai dần bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh [T](#).

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là [Đoàn Quốc K](#), sinh ngày 02/01/2017. Hiện nay đang sống với ông [Hoàng Văn L](#) và bà [Nguyễn Thị L1](#) (Là bố mẹ đẻ của chị [H](#)) tại [thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#). Sau ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, nhưng vì hiện nay chị đang ở nước ngoài nên đề nghị tạm giao cho ông [L](#), bà [L1](#) tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi chị về nước. Chị không yêu cầu anh [T](#) phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị [Hoàng Thị H](#) được ly hôn anh [Đoàn Văn T](#); về con chung: giao chị [H](#) trực tiếp nuôi dưỡng con chung [Đoàn Quốc K](#), sinh ngày 02/01/2017. Do hiện chị [H](#) đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu [K](#) cho ông [Hoàng Văn L](#) và bà [Nguyễn Thị L1](#) (Là bố mẹ đẻ của chị [H](#)) nuôi dưỡng đến khi chị [H](#) trở về nước; về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Buộc chị [H](#) phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn(chị [H](#)) làm đơn xin ly hôn bị đơn([anh T](#)) có địa chỉ cư trú ở nước ngoài. Tại công văn số 3290/CV-QLXNC ngày 28/11/2024 của [Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q](#) thì anh [T](#) đã xuất cảnh ngày 23/02/2021 qua [sân bay quốc tế N](#), hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam; căn cứ khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt chị [H](#) vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh [T](#) đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn theo quy định, cụ thể: Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng và thực hiện đăng tin trên kênh đối ngoại VOV Đài tiếng nói Việt Nam vào

các ngày 22,23,24/5/2025 nhưng không có kết quả phúc đáp của bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Hoàng Thị H](#) và anh [Đoàn Văn T](#) kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 26/02/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì bạc với nhau sang Đài Loan làm việc để cải thiện kinh tế gia đình, nhưng khi ở Đài Loan anh chị sống mỗi người một nơi, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt hiện tại anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử thấy anh, chị không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị [Hoàng Thị H](#) được ly hôn anh [Đoàn Văn T](#).

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình thu thập chứng cứ chị [H](#) trình bày vợ chồng có 01 con chung [Đoàn Quốc K](#), sinh ngày 02/01/2017, hiện đang sống cùng ông [Hoàng Văn L](#) và bà [Nguyễn Thị L1](#) (bố mẹ đẻ của chị [H](#)). Sau khi ly hôn chị [H](#) xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay anh [T](#) chị [H](#) đều đang ở nước ngoài, cháu [Đoàn Quốc K](#) đang được ông [Hoàng Văn L](#) và bà [Nguyễn Thị L1](#) chăm sóc nuôi dưỡng, học tập ổn định, do đó cần giao cho chị [H](#) tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là hợp lý, tuy nhiên do hiện nay chị [H](#) đang ở nước ngoài nên cần tạm giao cho ông [Hoàng Văn L](#) và bà [Nguyễn Thị L1](#) (Là bố mẹ đẻ của chị [H](#)) tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi chị [H](#) về nước, anh [T](#) không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị [H](#) không có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị [H](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị [H](#) có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; anh [T](#) có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điều 153, khoản 1 Điều 273, điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. *Về hôn nhân:* Chị [Hoàng Thị H](#) được ly hôn anh [Đoàn Văn T](#).

2. *Về con chung:* Giao cho chị [Hoàng Thị H](#) được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung [Đoàn Quốc K](#), sinh ngày 02/01/2017, do hiện nay chị [H](#) đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu [K](#) cho ông [Hoàng Văn L](#) và bà [Nguyễn Thị L1](#) (Là

bố mẹ đẻ của chị H) nuôi dưỡng đến khi chị H trở về nước. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị H không có yêu cầu.

Anh Đoàn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình tttheo biên lai số 0005098 ngày 16/10/2024.(Chị H đã nộp đầy đủ án).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; anh Đoàn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Lâm Trạch, h Bố Trạch;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Dương

